

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đăng Khoa;

2. Ông Võ Thanh Liêm;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Tấn V**, sinh năm: 1977 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Trịnh Kim O**, sinh năm: 1992 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp MX, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Tấn V trình bày:

Anh và chị O xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148 ngày 09 tháng 11 năm 2012. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 02 năm 2015 chị O bỏ nhà, bỏ địa phương đi đâu không rõ, anh V đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của chị O. Tháng 11/2019 anh V yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Trịnh Kim O nhưng đến nay vẫn

không có tin tức gì về chị O. Do hiện tại tình cảm không còn anh V yêu cầu ly hôn với chị O.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Nh, sinh ngày 14/10/2013, hiện đang sống với chung với chị O. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị O nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trịnh Kim O mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng chị vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh V.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị O không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh V.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh V có đơn khởi kiện đối với chị O. Bị đơn chị O đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp MX, xã TT, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh V xin ly hôn với chị O, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh V có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị O vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Anh V chung sống với chị O từ năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã T T, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148 ngày 09 tháng 11 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân của anh V và chị O là hợp pháp.

Thời gian chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Đối với bị đơn chị O được Tòa án tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo Thông báo số 04/2019/TB-TA ngày 15/11/2019 và từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy chị O không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly

thân đã lâu. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh V là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V đối với chị O.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Nh, sinh ngày 14/10/2013. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị O nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Qua xác minh tại địa phương chị O đã bỏ địa phương đi dẫn theo con là Trần Ngọc Nh đi từ năm 2015 đến nay không có tin tức gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến việc giao con chung cho ai nuôi. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tấn V. Anh Trần Tấn V được ly hôn với chị Trịnh Kim O.

2. Về án phí: Anh Trần Tấn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43569 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh V còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã TT, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG